TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **682**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 19/5/2023 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Tý
2. Bà Bùi Diệu Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Võ Minh Tiện - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa***: ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1196/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987; địa chỉ: 4 Đường số A, khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 693/10 Đường số A, khu phố D, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970; địa chỉ: 4 Đường số A, khu phố A, phường B, quận B, Tp.HCM.

Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải thì nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày: bà và ông Nguyễn Văn H hôn vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01 ngày 11/5/2007. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã không hòa hợp. Hai bên đã nhiều lần hàn gắn tìm

tiếng nói chung nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn sự chia sẽ, đồng cảm và gắn bó với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H để giải thoát cho hai bên.

Về con chung: bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thúy H1, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2008 hiện đang sống cùng ông H, bà đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi dưỡng. Do hoàn cảnh hiện tại khó khăn nên tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà yêu cầu tự thỏa thuận với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn Nguyễn Văn H đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng đương sự vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn gửi cho tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì bà T và ông H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có tiếng nói chung, tình cảm cả hai không hòa hợp. Nay bà T xác định không còn tình cảm yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Căn cứ Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H.

Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Thúy H1, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2008. Xét thấy ông H đang nuôi dưỡng nên đề nghị giao cho H được tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho trẻ. Về cấp dưỡng nuôi con do ông H không có ý kiến về vấn đề này nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H hôn vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01 ngày 11/5/2007, nên hôn nhân của bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hòa hợp. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tìm tiếng nói chung nhưng không có kết quả, không còn sự chia sẽ, đồng cảm và gắn bó với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc lâm vào tình trạng trầm trọng. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H. Xét yêu cầu của bà T là có cơ sở bởi lẽ, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương của cả vợ và chồng, nhưng giữa bà T và ông H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông H dù thực tế cư trú tại địa phương, nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, như vậy ông H đã từ bỏ mọi quyền lợi của mình, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: bà T khai bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thúy H1, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2008 hiện đang sống cùng ông H. Bà T yêu cầu để ông H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu của bà T phù hợp với lợi ích về mọi mặt của con, tránh sự xáo trộn không cần thiết trong việc học

tập và sinh hoạt của con nên Tòa án chấp nhận, tiếp tục giao cho ông H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thúy H1.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T trình bày do hoàn cảnh hiện tại khó khăn nên tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy do ông H vắng mặt và không có ý kiến về vấn đề này nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng của bà T, khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về tài sản chung: bà T yêu cầu tự thỏa thuận với ông H, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: bà T khai không có nên không xem xét.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định cấp ngày 11/5/2007 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà T và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thúy H1, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2008, giao cho ông Nguyễn Văn H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do hoàn cảnh bà T hiện gặp khó khăn nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T. Việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con

chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà T yêu cầu tự thỏa thuận với ông H, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: bà T khai không có nên không xem xét.

5. Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0009282 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Ba